

Số: 18/2025/QĐST-DS

Sông Công, ngày 29 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 5 Điều 211 và khoản 1 Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 5 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 15/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V1,

Địa chỉ: Số H L, phường L, quận Đ, TP .

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Chu Thị H – cán bộ xử lý nợ,

Địa chỉ: Tầng E, số F L, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Người kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng TMCP V1:

Công ty cổ phần M

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Anh T – Tổng giám đốc

Địa chỉ: Số B, đường T, phường Y, Quận C TP Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Trọng H1, sinh năm 1998,

Địa chỉ: Tổ F, phường G, TP T, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Chị Trịnh Thị Thùy L, sinh năm 2005,

Địa chỉ: TDP N, phường L, TP ., Thái Nguyên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chị Trịnh Thị Thùy L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP V1 và Công ty cổ phần M tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 19/5/2025 là: 476.041.498 đồng (nợ gốc: 403.131.739 đồng, nợ lãi 72.909.759đồng).

2.2. Thời hạn và phương thức thanh toán: Thanh toán 01 lần vào ngày 28/6/2025 cụ thể:

- Chị Trịnh Thị Thùy L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP V1 5% số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng cho vay số LN2403182081735 (LD2409300452) ký ngày 28/3/2024 tính đến ngày 19/5/2025 là: 22.958.825 đồng (trong đó nợ gốc 19.691.650đồng; nợ lãi 3.267.175đồng) và nợ lãi phát sinh đối với số tiền nợ gốc còn lại chưa thanh toán (không bao gồm lãi chậm trả) kể từ ngày 20/5/2025 cho đến khi chị L thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Chị Trịnh Thị Thùy L có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần M nợ Jupiter 95% số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng cho vay số LN2403182081735 (LD2409300452) ký ngày 28/3/2024 và 100% Hợp đồng thế tín dụng số 379-P-7540910 ngày 03/4/2024 tính đến ngày 19/5/2025 là: 453.082.673 đồng (trong đó nợ gốc 383.440.089 đồng; nợ lãi 69.642.584 đồng) và nợ lãi phát sinh đối với số tiền nợ gốc còn lại chưa thanh toán (không bao gồm lãi chậm trả) kể từ ngày 20/5/2025 cho đến khi chị L thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.3. Trong trường hợp chị Trịnh Thị Thùy L vi phạm thời hạn và phương thức thanh toán nêu trên thì Ngân hàng TMCP V1 và Công ty cổ phần M có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại Tài sản bảo đảm là: 01 xe ô tô nhãn hiệu MG (MORRIS GARAGES), MG5 1.5L

STD (sản xuất 2023), 1.5L, AT, số máy 15S4C5QTP1040005; số khung MMLA36U39PG010777; Biển kiểm soát: 20A-745.03 đứng tên bà Trịnh Thị Thùy L; Chi tiết về việc thế chấp tại Hợp đồng tín dụng; Hợp đồng thế chấp ô tô số LN2403182081735 ký ngày 28/3/2024 để xử lý, thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP V1 và Công ty cổ phần M.

Nếu số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V1 và Công ty cổ phần M thì chị L vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V1 và Công ty cổ phần M cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

3. Về chi phí tố tụng: Công ty cổ phần M tự nguyện chịu, đã thực hiện xong.

4. Về án phí: Hai bên đương sự thống nhất chị Trịnh Thị Thùy L phải chịu 11.520.829 đồng (làm tròn 11.521.000 đồng) phí Dân sự có giá ngạch nộp vào Ngân sách Nhà nước tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sông Công, Thái Nguyên.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V1 số tiền 11.125.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000902 ngày 10/3/2025 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sông Công, Thái Nguyên.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND TPSC TN;
- Chi cục THADS TPSC TN;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thùy Dung

Số: 07/2023/QĐST-DS

Sông Công, ngày 06 tháng 6 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 26, 147, khoản 5 Điều 211, khoản 1 Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 5 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 13/2023/TLST- DS ngày 03 tháng 4 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q (V2),

Địa chỉ: Tầng A (tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà S P, phường B, Quận A, TP Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trung K – Cán bộ V2,

Địa chỉ: Số F, đường L, TP ., Thái Nguyên

Bị đơn: Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1973,

Địa chỉ: Xóm Tân Tiến, xã Tân Quang, TP Sông Công, Thái Nguyên

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng V2 và ông Phạm Văn T1 thỏa thuận thống nhất số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 7107324.2024/04/2020 và 8283110.2024/04/2020 đến ngày 29/5/2023 là 1.058.398.876 đồng (Một tỷ, không trăm năm mươi tám triệu, ba trăm chín mươi tám nghìn, tám trăm bảy mươi sáu đồng), trong đó: Nợ gốc: 818.752.000 đồng; Nợ lãi 39.480.271 đồng; Nợ lãi quá hạn: 200.166.605 đồng. Ông Phạm Văn T1 cam kết có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 29/5/2023 là 1.058.398.876 đồng (Một tỷ, không trăm năm mươi tám triệu, ba trăm chín mươi tám nghìn, tám trăm bảy mươi sáu đồng).

Phương thức và thời hạn thanh toán: Trả một lần vào ngày 15/7/2023 toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 29/5/2023 là 1.058.398.876 đồng.

2.2. Ông Phạm Văn T1 có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/5/2023 theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định theo hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Q cho đến khi thanh toán hết nợ vay cho Ngân hàng V2.

Sau ngày 15/7/2023 ông Phạm Văn T1 không trả được (hoặc trả không đầy đủ) số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP Q thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm gồm:

- Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 90D, tờ bản đồ số: 102-I, diện tích: 300m², địa chỉ: Xóm T, xã T, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CB 875860, số vào sổ cấp GCN: CH 01716H do UBND thành phố S cấp ngày 05/07/2016 cho ông Phạm Văn H2 và bà Trần Thị K1. Ngày 18/04/2018, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S xác nhận tặng cho ông Phạm Văn T1.

- Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 90E, tờ bản đồ số: 102-I, diện tích: 630m², địa chỉ: Xóm T, xã T, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BM 154448, số vào sổ cấp GCN: CH01254H do UBND thị xã S (nay là thành phố S) cấp ngày 08/05/2014 cho ông Phạm Văn H2 và bà Trần Thị K1. Ngày 18/04/2018, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S xác nhận tặng cho ông Phạm Văn T1.

02 tài sản trên được thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 2517 quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD Văn phòng Công chứng phía Nam Thành phố - tỉnh T ngày

23/04/2020 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Ông Phạm Văn T1 phải chịu 21.875.970 đồng (*Hai mươi một triệu, tám trăm bảy mươi năm nghìn, chín trăm bảy mươi đồng*) tiền án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch vào Ngân sách nhà nước nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sông Công, Thái Nguyên. Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP Q tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.125.000 đồng (*Mười một triệu, một trăm hai mươi năm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001036 ngày 03/4/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sông Công, Thái Nguyên.

4. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng TMCP Q tự nguyện chịu, đã thực hiện xong.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN
- VKSND TPSC TN;
- Chi cục THADS TPSC TN;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Bình